

Số 4057/GDĐT-TH
Về hướng dẫn kiểm tra cuối học kì I
Năm học 2016-2017 cấp Tiểu học

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận, Huyện.

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2016 – 2017;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22);

Căn cứ công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc kiểm tra cuối học kì I như sau :

1. Việc kiểm tra cuối học kì I do Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường Tiểu học sắp xếp lịch cho phù hợp với kế hoạch năm học.

2. Đề kiểm tra giao nhiệm vụ cho Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau :

– Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (điều 15, khoản 2, điểm b và điều 18, khoản 2), theo đó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì; tuy nhiên để có được sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, Sở khuyến khích các trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi cho Ban Giám hiệu từ 2 cho đến 3 đề (trừ trường hợp đặc biệt khi trường chỉ có 1 lớp/khối thì chỉ cần gửi 1 đề). Ban Giám hiệu sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề thi cho khối;

– Đề thi cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

- + Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%**
- + Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%**
- + Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**
- + Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**

3. Việc chấm bài do giáo viên chủ nhiệm chấm:

– Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT;

– Bài kiểm tra cuối kì được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo quy định tại của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kiểm tra cuối học kì I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Do đó, hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, Giáo viên chủ nhiệm coi kiểm tra tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng. Khi chấm bài, GVCN ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh trong học kì II.

5. Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những quy định tại điều 10 thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

5.1 Môn Toán:

– ***Thời gian làm bài:***

- + Lớp 1: 35 phút
- + Lớp 2, 3, 4, 5 : 40 phút

– ***Hình thức:***

- + Trắc nghiệm: 3 điểm
- + Tự luận : 7 điểm

– ***Đối với các mạch kiến thức:***

- + Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số;
- + Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 27%) : tập trung về các bảng đơn vị đo;
- + Yếu tố hình học (khoảng 23%) : Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học;

+ Giải toán có lời văn thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Lưu ý:

- o Lớp 1 : Nhìn mô hình điền phép tính
- o Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.
- o Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính
- o Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính
- o Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

– ***Ra đề thi theo ma trận***

- + Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi;
- + Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi;

5.2 Môn Tiếng Việt:

- Bám sát các nội dung quy định tại điều 10, thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và công văn của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra;
- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây (độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỷ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỷ lệ mức độ nhận thức cần đạt, ...).

5.3 Môn Khoa- Sử - Địa

- Khoa học: Kiểm tra định kỳ cuối HK1 và cuối năm;
- Sử - Địa: Kiểm tra định kỳ cuối HK1 và cuối năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

5.3.1 Xác định hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:
 - + Đề kiểm tra tự luận;
 - + Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
 - + Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.
- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.
- Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan độc lập với bài kiểm tra phần tự luận. Thực hiện ma trận theo 4 mức độ (Như phần HD Thông tư 22)
- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

5.3.2 Thời gian làm kiểm tra: Từ 35 đến 40 phút.

5.3.3 Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;
- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;
- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;
- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

5.3.4 Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận (vận dụng và vận dụng phân hồi):

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;
- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

5.4 Môn Tin học:

- Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.
- Đề kiểm tra:
 - + Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phân công giáo viên ra đề kiểm tra;
 - + Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học được hướng dẫn kèm theo văn bản số 3393/GDĐT-TH, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra;
 - + Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính.
 - + Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo);
- Đánh giá: Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

5.5 Môn Tiếng Anh:(Tăng cường TA- TA tự chọn- TA đề án)

Trường chủ động sắp xếp lịch kiểm tra cuối học kì I (sau khi kiểm tra các môn tiếng Việt);

5.5.1 Nội dung kiểm tra:

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary);
- Bám sát theo công văn số 2618/GDĐT-TH ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về “Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2016 – 2017”;
- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó (*Gogo Loves English, Family and Friends – Special Edition, Let’s Learn English, UK English Program*).

5.5.2 Thời gian làm bài kiểm tra:

- Bài kiểm tra cuối học kì I môn tiếng Anh được tiến hành trong thời gian 40 phút cho 03 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

5.5.3 Đề kiểm tra:

- Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình TCTA (8 tiết/tuần) HKI:*
 - Lớp 1: không thực hiện kiểm tra cuối học kì I
 - Lớp 2: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
 - + 10/15 khiên của mức độ STARTERS
 - + 2 sao/TOEFL Primary Step 1.
 - Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
 - + 15/15 khiên của mức độ STARTERS
 - + 3 sao/TOEFL Primary Step 1.
 - Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau
 - + 10/15 khiên của mức độ MOVERS
 - + 4 sao/TOEFL Primary Step 1.
 - + 2 huy hiệu / TOEFL Primary Step 2
 - Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:

- + 10/15 khiên của mức độ FLYERS
- + 3 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

b. *Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình Tiếng Anh tự chọn và Tiếng Anh Đề án (4 tiết/tuần) HK1:*

- Lớp 1: không thực hiện kiểm tra cuối học kì I
- Lớp 2: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
 - + 5/15 khiên của mức độ STARTERS
 - + 1 sao/TOEFL Primary Step 1.
- Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
 - + 8/15 khiên của mức độ STARTERS
 - + 2 sao/TOEFL Primary Step 1.
- Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
 - + 12/15 khiên của mức độ STARTERS
 - + 3 sao/TOEFL Primary Step 1.
 - + 1 hiệu / TOEFL Primary Step 2
- Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:
 - + 8/15 khiên của mức độ MOVERS
 - + 2 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

5.5.4 Đánh giá:

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Sở đề nghị Phòng GD&ĐT triển khai công văn này đến các trường Tiểu học, đến từng giáo viên để thực hiện việc kiểm tra cuối học kì I nhẹ nhàng, không căng thẳng nhưng thật sự có chất lượng, đạt yêu cầu. /.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Giám đốc (để báo cáo)
- Lưu (VP, TTH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiếu